

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển Chuyên khoa cấp II hệ tập trung năm 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 4868/QĐ-BYT ngày 17/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1637/QĐ-BYT ngày 25/5/2001 của Bộ Y tế ban hành Quy chế Quản lý và đào tạo Chuyên khoa cấp II sau đại học;

Căn cứ Công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 12/02/2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo CKI, CKII và BSNT trong năm 2020;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xét trúng tuyển Sau đại học số 2315/BB-ĐHYHN ngày 28/9/2020 của Trường đại học Y Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển Chuyên khoa cấp II hệ tập trung khóa 34 (2020-2022 của Trường Đại học Y Hà Nội cho 269 (hai trăm sáu chín) thí sinh có tên trong phụ lục đính kèm.

Điều 2. Các học viên Chuyên khoa cấp II có trách nhiệm thực hiện các quy định và hưởng mọi quyền lợi theo Quy chế đào tạo Sau đại học hiện hành.

Điều 3. Trưởng Phòng SĐH, HC, TCKT, TV, Công tác HVSV & KTX, các đơn vị liên quan và các thành viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (để b/c)
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, SĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Đoàn Quốc Hưng

Phụ lục
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP II
HỆ TẬP TRUNG KHÓA 34 - NĂM 2020

Kèm theo Quyết định số: 3989/QĐ-ĐHYHN, ngày 28/9/2020 của Hiệu trưởng

TT	CN	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
1	1	Nguyễn Thanh Vân	13/08/1988	Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh
2	2	Vương Thu Hà	15/10/1988	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh
3	3	Đỗ Việt Anh	05/11/1988	Điện Biên	Chẩn đoán hình ảnh
4	4	Mai Thế Cảnh	15/06/1984	Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh
5	5	Nguyễn Thị Hiếu	01/09/1988	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh
6	6	Đinh Trung Thành	01/10/1980	Tuyên Quang	Chẩn đoán hình ảnh
7	7	Bùi Hoàng Tú	06/09/1969	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh
8	8	Vũ Thị Hằng	20/04/1982	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh
9	9	Đoàn Xuân Hiếu	26/09/1979	Nam Định	Chẩn đoán hình ảnh
10	10	Đặng Thị Bích Nguyệt	07/08/1986	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh
11	11	Trần Thanh Thủy Nhân	04/02/1986	Điện Biên	Chẩn đoán hình ảnh
12	12	Trương Thị Thanh	14/12/1988	Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh
13	13	Phạm Hồng Minh	25/06/1987	Quảng Ninh	Chẩn đoán hình ảnh
14	14	Vũ Thị Kim Thoa	03/09/1970	Hải Phòng	Chẩn đoán hình ảnh
15	15	Lê Hồng Mạnh	12/02/1979	Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh
16	16	Nguyễn Khắc Hưng	06/07/1985	Bắc Ninh	Chẩn đoán hình ảnh
17	1	Nguyễn Thùy Linh	19/12/1983	Hà Nội	Da liễu
18	2	Cao Bích Ngọc	15/12/1980	Hải Phòng	Da liễu
19	3	Vũ Thanh Tùng	09/01/1974	Nam Định	Da liễu
20	4	Nguyễn Ngọc Diệp	17/07/1987	Hà Nội	Da liễu
21	5	Trần Thái Sơn	16/11/1976	Hải Phòng	Da liễu
22	6	Phạm Hữu Thanh	01/02/1982	Yên Bái	Da liễu
23	7	Nguyễn Thị Thu Hương	12/12/1981	Thái Nguyên	Da liễu
24	8	Trương Văn Huân	14/08/1975	Hà Nội	Da liễu
25	1	Trần Thị Phương Chi	04/01/1977	Đà Nẵng	Dị ứng - MDLS
26	2	Trần Nhật Thành	28/08/1983	Hà Tĩnh	Dị ứng - MDLS
27	1	Nguyễn Thị Thu Yến	29/09/1985	Yên Bái	Gây mê hồi sức
28	2	Trịnh Thu Huyền	26/07/1984	Hà Nội	Gây mê hồi sức
29	3	Nguyễn Thị Thu Hằng	22/10/1982	Ninh Bình	Gây mê hồi sức
30	4	Nguyễn Thị Hòa	06/06/1985	Phú Thọ	Gây mê hồi sức
31	5	Đỗ Ngọc Lâm	13/07/1978	Hà Nam	Gây mê hồi sức
32	6	Bùi Thị Hạnh	22/07/1985	Tuyên Quang	Gây mê hồi sức
33	7	Nguyễn Thị Kim Yến	06/10/1989	Phú Thọ	Gây mê hồi sức
34	8	Lê Thị Nguyệt	04/06/1982	Hòa Bình	Gây mê hồi sức

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP II**HỆ TẬP TRUNG KHÓA 34 - NĂM 2020**

Kèm theo Quyết định số: 3989/QĐ-ĐHYHN, ngày 28/9/2020 của Hiệu trưởng

TT	CN	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
35	9	Ngô Mạnh Đình	23/10/1984	Bắc Ninh	Gây mê hồi sức
36	10	Bạch Ngọc Anh	31/12/1983	Lâm Đồng	Gây mê hồi sức
37	11	Nguyễn Đình Long	02/10/1982	Hà Tĩnh	Gây mê hồi sức
38	12	Nguyễn Việt Nghĩa	09/08/1974	Vĩnh Phúc	Gây mê hồi sức
39	13	Nguyễn Đỗ Hùng	22/11/1979	Quảng Ninh	Gây mê hồi sức
40	14	Đỗ Đức Trung	09/05/1983	Bắc Ninh	Gây mê hồi sức
41	15	Trần Đoàn Huy	04/08/1981	Thái Nguyên	Gây mê hồi sức
42	16	Nguyễn Cao Cường	12/01/1974	Thái Bình	Gây mê hồi sức
43	1	Trịnh Thị Hoài Nam	15/10/1987	Nghệ An	Giải phẫu bệnh
44	2	Đặng Đức Thịnh	07/10/1990	Hà Nội	Giải phẫu bệnh
45	3	Nguyễn Tài Tiến	21/09/1979	Nghệ An	Giải phẫu bệnh
46	4	Nông Thị Thùy Linh	03/03/1984	Tuyên Quang	Giải phẫu bệnh
47	5	Ngô Ngọc Hiếu	22/03/1977	Quảng Ninh	Giải phẫu bệnh
48	6	Hứa Thị Giang	25/03/1973	Tuyên Quang	Giải phẫu bệnh
49	7	Ngô Thúy Hòa	17/02/1978	Điện Biên	Giải phẫu bệnh
50	8	Nguyễn Thị Duyên	19/02/1991	Nam Định	Giải phẫu bệnh
51	1	Phạm Thị Thu Hương	15/09/1984	Thái Bình	Hóa sinh Y học
52	2	Lại Thị Tố Uyên	23/03/1976	Quảng Ninh	Hóa sinh Y học
53	3	Uông Thị Thu Hương	05/04/1976	Hà Nội	Hóa sinh Y học
54	4	Nguyễn Thị Xuân	24/02/1984	Hà Nội	Hóa sinh Y học
55	5	Vũ Thị Ngân	28/09/1977	Thái Bình	Hóa sinh Y học
56	6	Nguyễn Thị Như Ái	01/07/1976	Hải Phòng	Hóa sinh Y học
57	1	Dương Vương Trung	06/08/1978	Lào Cai	Hồi sức cấp cứu
58	2	Hà Mạnh Hùng	26/12/1977	Quảng Ninh	Hồi sức cấp cứu
59	3	Phạm Thị Ánh Xuân	18/02/1977	Phú Thọ	Hồi sức cấp cứu
60	4	Nguyễn Đại Việt Đức	15/12/1982	Quảng Bình	Hồi sức cấp cứu
61	5	Nguyễn Tiến Dũng	02/09/1989	Bắc Ninh	Hồi sức cấp cứu
62	6	Nguyễn Thị Mai Ly	11/07/1982	Hải Dương	Hồi sức cấp cứu
63	7	Phạm Hữu Hiền	11/06/1984	Hà Nội	Hồi sức cấp cứu
64	8	Nguyễn Thái Long	31/01/1976	Thái Nguyên	Hồi sức cấp cứu
65	1	Đào Thị Thiết	16/09/1990	Thái Nguyên	HH - TM
66	2	Phạm Thị Hằng	11/10/1986	Hà Nội	HH - TM
67	3	Nguyễn Việt Dũng	29/09/1987	Phú Thọ	HH - TM
68	4	Đặng Thị Hà	25/10/1980	Hà Nam	HH - TM
69	5	Thiều Thị Hằng	12/10/1981	Thanh Hóa	HH - TM

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP II**HỆ TẬP TRUNG KHÓA 34 - NĂM 2020**

Kèm theo Quyết định số: 3989/QĐ-ĐHYHN, ngày 28/9/2020 của Hiệu trưởng

TT	CN	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
70	6	Vũ Hoàng	18/09/1984	Hà Nội	HH - TM
71	7	Hà Thị Thanh Huyền	01/04/1973	Hòa Bình	HH - TM
72	1	Nguyễn Hữu Trí	10/07/1970	Thái Bình	Lao và bệnh phổi
73	2	Dương Danh Bộ	05/01/1982	Bắc Ninh	Lao và bệnh phổi
74	1	Chu Văn Lâm	12/11/1984	Hải Dương	Ngoại khoa
75	2	Nguyễn Ngọc Tiệp	01/12/1984	Hà Nội	Ngoại khoa
76	3	Võ Văn Minh	05/07/1987	Nghệ An	Ngoại khoa
77	4	Đỗ Tuấn Anh	20/01/1987	Hưng Yên	Ngoại khoa
78	5	Văn Đức Hạnh	31/12/1985	Nghệ An	Ngoại khoa
79	6	Trần Xuân Quang	22/11/1990	Nam Định	Ngoại khoa
80	7	Đoàn Quang Dũng	03/12/1981	Hải Phòng	Ngoại khoa
81	8	Nguyễn Văn Linh	23/05/1989	Hà Tĩnh	Ngoại khoa
82	9	Vũ Minh Uy	04/02/1984	Hải Dương	Ngoại khoa
83	10	Vũ Quang Hiếu	19/02/1970	Hà Nội	Ngoại khoa
84	11	Trần Tuấn Anh	30/10/1985	Nam Định	Ngoại khoa
85	12	Trần Đức Tâm	14/11/1986	Nam Định	Ngoại khoa
86	13	Trần Thượng Việt	31/03/1982	Hà Nội	Ngoại khoa
87	14	Nguyễn Đức Thế	10/06/1981	Điện Biên	Ngoại khoa
88	15	Trần Đình Phương	17/10/1988	Hà Nội	Ngoại khoa
89	16	Đỗ Trọng Khiếu	27/08/1982	Hưng Yên	Ngoại khoa
90	17	Nguyễn Đình Hưng	02/02/1985	Phú Thọ	Ngoại khoa
91	18	Phạm Văn Khiết	08/02/1982	Hà Nội	Ngoại khoa
92	19	Phạm Trung Thông	28/08/1985	Nghệ An	Ngoại khoa
93	20	Đặng Việt Hồng	24/03/1979	Hà Nội	Ngoại khoa
94	21	Nguyễn Ngọc Sơn	11/07/1986	Hà Nội	Ngoại khoa
95	22	Trần Quang Trung	20/03/1982	Hà Nội	Ngoại khoa
96	23	Đỗ Việt Sơn	31/03/1981	Hà Nội	Ngoại khoa
97	24	Nguyễn Mạnh Trường	02/06/1981	Nam Định	Ngoại khoa
98	25	Nguyễn Trung Nghĩa	31/12/1989	Hà Nội	Ngoại khoa
99	26	Lê Anh Dũng	05/12/1985	Thanh Hóa	Ngoại khoa
100	27	Lê Trảng Lợi	04/10/1980	Hà Nội	Ngoại khoa
101	28	Trần Quang Mạnh	05/08/1982	Yên Bái	Ngoại khoa
102	29	Nguyễn Tiến Dũng	10/06/1983	Quảng Ninh	Ngoại khoa
103	30	Nguyễn Tiến Trung	10/04/1984	Hòa Bình	Ngoại khoa
104	31	Đặng Trung Kiên	16/08/1988	Hà Nội	Ngoại khoa

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP II**HỆ TẬP TRUNG KHÓA 34 - NĂM 2020**

Kèm theo Quyết định số: 3989/QĐ-ĐHYHN, ngày 28/9/2020 của Hiệu trưởng

TT	CN	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
105	32	Lương Toàn Thắng	15/05/1975	Quảng Ninh	Ngoại khoa
106	33	Nguyễn Trần Quang Sáng	12/09/1984	Hung Yên	Ngoại khoa
107	34	Hoàng Minh Tân	15/03/1990	Nam Định	Ngoại khoa
108	35	Nguyễn Hoàng Thái	25/03/1986	Hải Dương	Ngoại khoa
109	36	Bùi Hải Nam	25/04/1985	Hung Yên	Ngoại khoa
110	37	Phạm Tấn Đức	14/07/1982	Nam Định	Ngoại khoa
111	38	Hoàng Thanh Sơn	18/08/1975	Hà Nội	Ngoại khoa
112	39	Vũ Xuân Hoàn	27/09/1986	Bắc Ninh	Ngoại khoa
113	1	Nguyễn Mạnh Đạt	22/02/1984	Nam Định	Nhân khoa
114	2	Nguyễn Lương Ngọc Anh	24/07/1988	Hà Nội	Nhân khoa
115	3	Đinh Thị Thanh Vân	09/07/1984	Hà Nội	Nhân khoa
116	4	Ngô Hữu Phương	05/07/1981	Bắc Ninh	Nhân khoa
117	5	Trần Thị Thủy	15/10/1984	Hung Yên	Nhân khoa
118	6	Đặng Xuân Hoa	27/12/1971	Thái Nguyên	Nhân khoa
119	7	Nguyễn Văn Huynh	04/12/1983	Hung Yên	Nhân khoa
120	1	Dương Thị Nguyệt Vân	17/06/1986	Hà Nội	Nội Hô hấp
121	2	Nguyễn Văn Thắng	03/02/1985	Thái Bình	Nội Hô hấp
122	3	Phan Thị Hạnh	27/05/1985	Hải Phòng	Nội Hô hấp
123	4	Nguyễn Mạnh Tường	03/01/1978	Thái Bình	Nội Hô hấp
124	1	Trịnh Ngọc Duy	23/06/1984	Thanh Hóa	Nội Lão khoa
125	2	Nguyễn Thị Minh Hải	20/04/1974	Phú Thọ	Nội Lão khoa
126	3	Vũ Duy Thương	16/12/1980	Thái Bình	Nội Lão khoa
127	4	Bùi Văn Dũng	22/11/1982	Thái Bình	Nội Lão khoa
128	5	Bùi Viên Sơn	27/08/1979	Hà Nội	Nội Lão khoa
129	1	Trần Thị Bích Liên	05/10/1980	Thanh Hóa	Nội Nội tiết
130	2	Lê Thanh Huyền	11/08/1988	Hà Nội	Nội Nội tiết
131	3	Đoàn Thị Thúy Tình	24/08/1980	Tuyên Quang	Nội Nội tiết
132	4	Trần Thị Kiều Phương	23/06/1978	Nghệ An	Nội thận - Tiết niệu
133	5	Ngô Thị Vân	05/11/1989	Hà Nội	Nội thận - Tiết niệu
134	6	Nguyễn Thị Lựu	15/02/1985	Lào Cai	Nội thận - Tiết niệu
135	7	Lý Thị Thoa	08/07/1986	Thái Nguyên	Nội thận - Tiết niệu
136	1	Phạm Thị Thùy	14/10/1981	Hải Dương	Nội Tiêu hoá
137	2	Phạm Minh Đức	12/07/1991	Lai Châu	Nội Tiêu hoá
138	3	Nguyễn Ánh Dương	15/11/1982	Hải Phòng	Nội Tiêu hoá
139	4	Bùi Quang Thạch	05/09/1979	Nghệ An	Nội Tiêu hoá

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP II
HỆ TẬP TRUNG KHÓA 34 - NĂM 2020
 Kèm theo Quyết định số: 3989/QĐ-ĐHYHN, ngày 28/9/2020 của Hiệu trưởng

TT	CN	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
140	5	Đậu Quang Liêu	10/08/1991	Nghệ An	Nội Tiêu hoá
141	1	Đậu Thị Hằng	20/05/1985	Thanh Hóa	Nội Tim mạch
142	2	Nguyễn Hữu Tuấn	25/12/1980	Hải Dương	Nội Tim mạch
143	3	Đỗ Thúy Cẩn	29/03/1979	Hà Nội	Nội Tim mạch
144	4	Vũ Thị Trang	06/05/1987	Thái Bình	Nội Tim mạch
145	5	Hoàng Huy Tú	15/05/1979	Thanh Hóa	Nội Tim mạch
146	6	Nguyễn Đình Việt	19/05/1989	Yên Bái	Nội Tim mạch
147	7	Nguyễn Quang Minh	28/07/1988	Hà Nội	Nội Tim mạch
148	8	Hoàng Văn Kỳ	28/06/1987	Nghệ An	Nội Tim mạch
149	9	Vũ Thị Diện	10/01/1977	Thái Bình	Nội Tim mạch
150	10	Thái Thị Phương Thảo	24/06/1978	Hải Phòng	Nội Tim mạch
151	11	Trịnh Thị Đông	16/07/1987	Hà Nội	Nội Tim mạch
152	12	Lê Thị Hoài Thu	11/09/1977	Nghệ An	Nội Tim mạch
153	13	Doãn Hữu Linh	6/23/1980	Yên Bái	Nội Tim mạch
154	14	Lương Hải Đăng	18/01/1981	Hà Nam	Nội Tim mạch
155	15	Trần Quang Định	30/07/1979	Quảng Ninh	Nội Tim mạch
156	16	Tạ Hoàng Phong	19/08/1979	Hưng Yên	Nội Tim mạch
157	17	Lý Đức Ngọc	14/10/1981	Hà Nội	Nội Tim mạch
158	1	Nguyễn Thị Thoa	19/01/1991	Bắc Ninh	Nội xương khớp
159	2	Hoàng Thị Phương Thảo	03/03/1988	Phú Thọ	Nội xương khớp
160	3	Trịnh Huy Bình	12/02/1989	Thanh Hóa	Nội xương khớp
161	4	Phạm Thị Thanh Thảo	19/11/1985	Hải Phòng	Nội xương khớp
162	5	Phạm Thị Thu Hà	02/06/1984	Hải Dương	Nội xương khớp
163	1	Nguyễn Thị Hoài Thu	03/09/1982	Hà Nội	Phục hồi chức năng
164	2	Bùi Bá Quang	18/09/1980	Hải Phòng	Phục hồi chức năng
165	3	Vũ Xuân Triền	25/07/1984	Hải Dương	Phục hồi chức năng
166	4	Hà Thuận	12/01/1982	Bình Thuận	Phục hồi chức năng
167	5	Huỳnh Văn Tý	12/10/1973	Bình Định	Phục hồi chức năng
168	1	Lê Thị Thanh Xuân	15/08/1986	Hưng Yên	Quản lý y tế
169	2	Nguyễn Công Bình	10/02/1976	Hà Nội	Quản lý y tế
170	3	Tạ Ngọc Hà	10/10/1972	Ninh Bình	Quản lý y tế
171	4	Trần Anh Thắng	12/07/1979	Hải Dương	Quản lý y tế
172	1	Trịnh Đỗ Văn Ngà	05/09/1987	Hà Nội	Răng - Hàm - Mặt
173	2	Đặng Thị Liên Hương	21/04/1984	Hà Nội	Răng - Hàm - Mặt
174	3	Trần Thị Nga Liên	22/04/1978	Thái Bình	Răng - Hàm - Mặt

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP II**HỆ TẬP TRUNG KHÓA 34 - NĂM 2020**

Kèm theo Quyết định số: 3989/QĐ-ĐHYHN, ngày 28/9/2020 của Hiệu trưởng

TT	CN	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
175	4	Nguyễn Thị Hoa	10/01/1985	Hà Nam	Răng - Hàm - Mặt
176	5	Nguyễn Thanh Bình	12/10/1978	Thái Nguyên	Răng - Hàm - Mặt
177	1	Nguyễn Thị Phương Thảo	27/08/1988	Hà Nội	Sản phụ khoa
178	2	Nguyễn Thị Lương	28/03/1990	Sơn La	Sản phụ khoa
179	3	Nguyễn Thị Thủy Chung	22/07/1988	Hải Phòng	Sản phụ khoa
180	4	Phạm Thị Yến	20/04/1990	Hải Dương	Sản phụ khoa
181	5	Phạm Thu Trang	28/02/1989	Ninh Bình	Sản phụ khoa
182	6	Lê Thị Mai Phương	22/01/1979	Hà Nội	Sản phụ khoa
183	7	Hồ Văn Việt	01/05/1972	Hải Dương	Sản phụ khoa
184	8	Lê Thị Năm	21/04/1978	Thái Nguyên	Sản phụ khoa
185	9	Nguyễn Thị Thủy Hà	19/11/1982	Sơn La	Sản phụ khoa
186	10	Nguyễn Cơ Thạch	02/10/1983	Hà Tĩnh	Sản phụ khoa
187	11	Ngô Anh Quang	07/11/1983	Hà Nội	Sản phụ khoa
188	12	Đỗ Cường Vượng	12/09/1980	Yên Bái	Sản phụ khoa
189	13	Cao Chí Trung	29/07/1982	Thanh Hóa	Sản phụ khoa
190	14	Đỗ Thị Thuỷ	07/03/1980	Hà Giang	Sản phụ khoa
191	15	Ngô Minh Thắng	28/04/1983	Hà Nội	Sản phụ khoa
192	16	Đồng Thu Trang	17/10/1986	Bắc Giang	Sản phụ khoa
193	17	Bùi Thị Phượng	05/10/1987	Hung Yên	Sản phụ khoa
194	18	Nguyễn Thị Dung	12/09/1982	Hà Nội	Sản phụ khoa
195	19	Vương Thị Chung	19/07/1977	Hà Giang	Sản phụ khoa
196	20	Trần Anh Tú	10/11/1974	Nghệ An	Sản phụ khoa
197	21	Cao Thị Thúy Hà	04/09/1984	Nghệ An	Sản phụ khoa
198	22	Nguyễn Thị Thu Hà	16/12/1974	Bắc Giang	Sản phụ khoa
199	1	Hà Minh Lợi	29/08/1977	Phú Thọ	Tai - Mũi- Họng
200	2	Nguyễn Thị Thu Đức	30/07/1982	Hà Nội	Tai - Mũi- Họng
201	3	Nguyễn Thị Hoa Hồng	08/02/1985	Hà Nội	Tai - Mũi- Họng
202	4	Trần Xuân Sơn	10/04/1977	Hà Tĩnh	Tai - Mũi- Họng
203	5	Phạm Thị Hiền	12/02/1983	Ninh Bình	Tai - Mũi- Họng
204	6	Ma Chính Lâm	03/10/1983	Tuyên Quang	Tai - Mũi- Họng
205	7	Tạ Minh Tiến	16/07/1986	Lào Cai	Tai - Mũi- Họng
206	8	Lã Quý Dân	26/10/1979	Quảng Ninh	Tai - Mũi- Họng
207	9	Phan Thị Thanh Hoa	10/07/1982	Hà Nội	Tai - Mũi- Họng
208	10	Hoàng Hải Sơn	04/11/1978	Hải Dương	Tai - Mũi- Họng
209	11	Trần Thị Phương Thảo	30/04/1979	Thái Nguyên	Tai - Mũi- Họng

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP II**HỆ TẬP TRUNG KHÓA 34 - NĂM 2020**

Kèm theo Quyết định số: 3989/QĐ-ĐHYHN, ngày 28/9/2020 của Hiệu trưởng

TT	CN	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
210	12	Nguyễn Đức Tài	11/08/1977	Bắc Giang	Tai - Mũi - Họng
211	1	Bùi Văn Lợi	03/12/1990	Quảng Ninh	Tâm thần
212	2	Lê Thị Phương Thảo	27/08/1990	Phú Thọ	Tâm thần
213	3	Vương Đình Thủy	18/06/1991	Hà Nội	Tâm thần
214	4	Nguyễn Thị Cẩm Tú	30/08/1985	Hà Nội	Tâm thần
215	5	Nguyễn Thị Ái Vân	10/06/1989	Hải Phòng	Tâm thần
216	6	Hoàng Thị Thu Hương	05/10/1986	Hải Phòng	Tâm thần
217	7	Nguyễn Trọng Hiến	04/11/1989	Hải Dương	Tâm thần
218	8	Cao Thị Ánh Tuyết	14/06/1990	Nam Định	Tâm thần
219	1	Doãn Thị Huyền	29/01/1980	Nam Định	Thần kinh
220	2	Nguyễn Thị Hiền	22/08/1989	Thanh Hóa	Thần kinh
221	3	Ngô Văn Dũng	16/06/1969	Hải Dương	Thần kinh
222	4	Nguyễn Duy Hiền	15/04/1985	Hà Tĩnh	Thần kinh
223	5	Trịnh Thị Phương Lâm	02/05/1981	Hà Nội	Thần kinh
224	6	Hà Hữu Quý	01/06/1979	Hà Nội	Thần kinh
225	1	Lương Xuân Kiên	19/10/1975	Hải Phòng	Truyền nhiễm&CBNĐ
226	2	Nguyễn Danh Đức	17/07/1985	Hải Dương	Truyền nhiễm&CBNĐ
227	3	Đình Văn Huy	17/02/1982	Hưng Yên	Truyền nhiễm&CBNĐ
228	4	Nguyễn Văn Tình	05/10/1979	Thanh Hóa	Truyền nhiễm&CBNĐ
229	5	Hà Phúc Hòa	02/10/1979	Nghệ An	Truyền nhiễm&CBNĐ
230	6	Phạm Minh Tuấn	01/08/1982	Hải Dương	Truyền nhiễm&CBNĐ
231	7	Nguyễn Thanh Bình	12/10/1978	Thanh Hóa	Truyền nhiễm&CBNĐ
232	8	Nguyễn Thị Ngọc Chi	02/01/1987	Lạng Sơn	Truyền nhiễm&CBNĐ
233	9	Ngô Văn An	07/08/1985	Hải Phòng	Truyền nhiễm&CBNĐ
234	1	Trần Đức Toàn	24/01/1990	Nam Định	Ung thư
235	2	Dương Chí Thành	02/09/1990	Hà Tĩnh	Ung thư
236	3	Trần Tuấn Thành	07/03/1985	Hà Nam	Ung thư
237	4	Võ Quốc Hoàn	10/01/1988	Hà Tĩnh	Ung thư
238	5	Nguyễn Thị Minh Hải	08/07/1984	Hưng Yên	Ung thư
239	6	Nguyễn Thị Bích Phượng	06/01/1988	Hải Dương	Ung thư
240	7	Nguyễn Thị Thanh Nhân	07/12/1981	Hà Nội	Ung thư
241	8	Nguyễn Hoàng Gia	30/07/1988	Bắc Giang	Ung thư
242	9	Đỗ Thị Thanh Mai	11/02/1990	Hà Nội	Ung thư
243	10	Phạm Thị Thu Trang	24/01/1988	Hà Nam	Ung thư
244	11	Nguyễn Thị Dừng	02/10/1982	Thái Bình	Ung thư

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP II**HỆ TẬP TRUNG KHÓA 34 - NĂM 2020**

Kèm theo Quyết định số: 3989/QĐ-ĐHYHN, ngày 28/9/2020 của Hiệu trưởng

TT	CN	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
245	12	Mai Tiến Đạt	04/12/1989	Nam Định	Ung thư
246	13	Đinh Thị Lan Anh	17/10/1985	Hải Dương	Ung thư
247	14	Nguyễn Công Tín	15/05/1987	Nghệ An	Ung thư
248	15	Vũ Đình Giáp	29/09/1984	Nghệ An	Ung thư
249	16	Nguyễn Thị Kim Anh	06/04/1981	Bắc Giang	Ung thư
250	17	Nguyễn Thế Tân	13/09/1989	Bắc Ninh	Ung thư
251	18	Đỗ Mạnh Hùng	30/04/1985	Hà Nội	Ung thư
252	19	Nguyễn Thị Mai Lương	21/11/1983	Hải Dương	Ung thư
253	20	Hoàng Thu Trang	16/10/1986	Hòa Bình	Ung thư
254	21	Phạm Khánh Toàn	10/12/1979	Hà Tĩnh	Ung thư
255	22	Trần Đức Linh	29/05/1986	Hải Phòng	Ung thư
256	23	Nguyễn Hà Thường	07/04/1973	Hà Nội	Ung thư
257	24	Nguyễn Anh Tuấn	12/09/1980	Bắc Giang	Ung thư
258	25	Trương Thị Thảo Hiền	30/06/1982	Hà Nội	Ung thư
259	26	Vũ Hải Linh	24/03/1987	Thái Bình	Ung thư
260	1	H' Nương Niê	17/04/1984	Đắc Lắc	Vi sinh y học
261	2	Đào Quang Trung	19/05/1986	Thái Bình	Vi sinh y học
262	3	Nguyễn Thị Huyền	07/11/1981	Thái Nguyên	Vi sinh y học
263	1	Lê Thị Hường	25/09/1985	Hà Nội	Y học cổ truyền
264	2	Trần Thị Minh Quyên	02/05/1984	Hải Phòng	Y học cổ truyền
265	3	Nguyễn Thị Thanh Vân	23/03/1985	Vĩnh Phúc	Y học cổ truyền
266	4	Phương Thị Thanh Loan	12/11/1981	Bắc Ninh	Y học cổ truyền
267	5	Lê Ngọc Sơn	06/01/1983	Hưng Yên	Y học cổ truyền
268	1	Nguyễn Ngọc Thắng	05/05/1985	Nghệ An	Y học hạt nhân
269	1	Trần Tuấn Anh	07/08/1990	TP Hồ Chí Minh	Y pháp

Ấn định danh sách gồm 08 trang, có 269 (hai trăm sáu mươi chín) người./.